



HƯỚNG DẪN
**XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN
QLRBV**
(Dành cho tổ chức)

MỤC LỤC

LỜI TỰA	1
CHƯƠNG I: HƯỚNG DẪN CHUNG	2
1. TỔNG QUAN VỀ QLRBV VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG.....	2
1.1. Quản lý rừng bền vững	2
1.2 Chứng chỉ rừng	2
2. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	3
2.1. Mục tiêu của xây dựng phương án QLRBV	3
2.2 Trách nhiệm xây dựng phương án QLRBV.....	3
2.3. Thời gian thực hiện phương án QLRBV	3
2.4. Phê duyệt phương án QLRBV	3
2.5. Tài liệu phục vụ xây dựng phương án QLRBV	4
2.6. Nội dung phương án QLRBV	5
2.7. Trình tự xây dựng phương án QLRBV.....	6
2.8. Sản phẩm của quá trình xây dựng phương án QLRBV	7
CHƯƠNG II: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN QLRBV ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC	8
PHẦN 1: MỞ ĐẦU	8
i. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng	8
ii. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án QLRBV	8
CHƯƠNG 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	9
i. Chính sách và pháp luật của nhà nước	9
ii. Cam kết quốc tế	9
iii. Tài liệu sử dụng	10
CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ	10
i. Thông tin chung.....	10
ii. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng	11
iii. Dân sinh, kinh tế, xã hội	12
iv. Giao thông	14
v. Dịch vụ môi trường rừng	14
vi. Hiện trạng sử dụng đất.....	16
vii. Hiện trạng tài nguyên rừng	17
viii. Hiện trạng về cơ sở vật chất, các chương trình, dự án đã thực hiện	21
ix. Đánh giá công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đdsh	22
ix-a. Phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng (áp dụng đối với chủ quản lý rừng đặc dụng).....	25
ix -b. Xác định chức năng phòng hộ của rừng (áp dụng đối với chủ rừng quản lý rừng phòng hộ)	26

ix -c. Kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng trong ba (03) năm liên tiếp liền kề (áp dụng đối với chủ rừng quản lý rừng sản xuất)	27
ix -d. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích của chủ rừng trong ba (03) năm liên tiếp liền kề (áp dụng đối với chủ rừng quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ)	28
CHƯƠNG 3. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN	29
i. Mục tiêu và phạm vi QLBR	29
ii. Kế hoạch sử dụng đất	30
iii. Xác định khu vực loại trừ và khu vực tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng (áp dụng đối với chủ quản lý rừng sản xuất)	32
iv. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	32
v. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đdsh....	33
vi. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư	41
vii. Giải pháp thực hiện	42
viii. Đánh giá hiệu quả của phương án	43
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	43
i. Phân công nhiệm vụ	43
ii. Kế hoạch kiểm tra, giám sát	43
iii. Kết luận và kiến nghị	44
PHẦN 2: PHỤ LỤC, BIỂU, BẢN ĐỒ KÈM THEO PHƯƠNG ÁN QLBRV	44
CHƯƠNG III: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ	45
1. THỂ LOẠI VÀ MỤC ĐÍCH CỦA TỪNG LOẠI BẢN ĐỒ	45
1.1. Bản đồ hiện trạng rừng	45
1.2. Bản đồ sử dụng đất	45
1.3. Các bản đồ chuyên đề	46
1.4. Bản đồ HCV	46
2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CÁC LOẠI BẢN ĐỒ	46
2.1. phương pháp xây dựng Bản đồ hiện trạng rừng	47
2.2. phương pháp xây dựng Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	49
2.3. phương pháp xây dựng Bản đồ chuyên đề (Động vật, thực vật, phát triển hạ tầng, DLST)	52
2.4. phương pháp xây dựng Bản đồ HCV	53
LỜI KẾT	57

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 01: Danh sách một số tài liệu, bản đồ cần thu thập	4
Bảng 02: Quy định tỷ lệ bản đồ	5
Bảng 03. Dân số và lao động các xã thuộc vùng đệm/lâm phần của chủ rừng.....	12
Bảng 04. Thống kê diện tích canh tác bình quân của hộ gia đình thuộc các xã thuộc vùng đệm/lâm phần của Chủ rừng	12
Bảng 05. Thống kê thu nhập bình quân trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp	13
Bảng 06. Hiện trạng các công trình hạ tầng về giao thông.....	14
Bảng 07. Diện tích và đối tượng được chi trả DVMTR rừng của chủ rừng	14
Bảng 08. Các đối tượng nhận chi trả DVMTR tại đơn vị chủ rừng.....	15
Bảng 09. Các đơn vị thuê môi trường rừng kinh doanh DLST	15
Bảng 10. Hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng	16
Bảng 11. Hiện trạng tài nguyên rừng của đơn vị chủ rừng	17
Bảng 12. Tổng trữ lượng bình quân theo các trạng thái rừng của đơn vị chủ rừng	19
Bảng 13. Thống kê các nhóm LSNG.....	19
Bảng 14. Thống kê hiện trạng cơ sở vật chất của chủ rừng	21
Bảng 15. Thống kê các chương trình, dự án đơn vị đã thực hiện.....	21
Bảng 16. Danh mục các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm	23
Bảng 17. Danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm	23
Bảng 18. Tình hình vi phạm bảo vệ và phát triển rừng của đơn vị chủ rừng trong 5 năm gần nhất	23
Bảng 19. Hiện trạng các phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng	25
Bảng 20. Hiện trạng các phân khu chức năng của khu rừng phòng hộ	26
Bảng 21. Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng đối với diện tích rừng sản xuất.....	27
Bảng 22. Tổng hợp các nguồn thu trong 3 năm gần nhất của chủ rừng	28
Bảng 23. Tổng hợp các nguồn chi trong 3 năm gần nhất của chủ rừng	28
Bảng 24. Quy hoạch diện tích quản lý, sử dụng đất của chủ rừng trong thời gian 10 năm	30
Bảng 25. Chuyển đổi các phân khu chức năng rừng đặc dụng sau 10 năm.....	31
Bảng 26. Chuyển đổi các phân khu chức năng rừng phòng hộ đến 2030	31
Bảng 27. Kế hoạch sử dụng đất của chủ rừng đến năm thứ 10	31
Bảng 28. Tổng hợp khái toán nhu cầu vốn cho Phương án QLRBV.....	41

Bảng 29: Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện Phương án QLRBV	41
Bảng 30: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ hiện trạng rừng	47
Bảng 31: So Sánh Hệ Thống Phân Loại Rừng	48
Bảng 32: Cấu trúc trường thông tin bản đồ hiện trạng rừng	48
Bảng 33: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất	49
Bảng 34: Cấu trúc các lớp thông tin chính	50
Bảng 35: So Sánh Loại Đất, Loại Rừng	50
Bảng 36: Tài liệu sử dụng xây dựng các bản đồ chuyên đề	52
Bảng 37: Cấu trúc các lớp thông tin chính	52
Bảng 38: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ HCV	54
Bảng 39: Matrix tài liệu và HCV	55
Bảng 40: Cấu trúc trường thông tin bản đồ HCV	55

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 01: Sơ đồ trình tự các bước xây dựng phương án QLRBV.....	6
Hình 02: Sơ đồ xây dựng các loại bản đồ	46
Hình 03: Bản đồ hiện trạng rừng, Ban QLRĐD Xuân Nha	49
Hình 04: Bản đồ phân bố thực vật quý hiếm, Ban QLRĐD, PH Thuận Châu.....	53
Hình 05: Bản đồ HCV Công ty Lâm nghiệp Hà Nừng	56

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVNN	Bảo vệ nghiêm ngặt
BVR	Bảo vệ rừng
CITES	Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
CoC	Chuỗi hành trình
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DLST	Du lịch sinh thái
FM	Quản lý rừng
HCDV	Hành chính, dịch vụ
HCV	Giá trị bảo tồn cao
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao
ITTO	Tổ chức gỗ nhiệt đới
IUCN	Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
NĐCP	Nghị định chính phủ
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PHST	Phục hồi sinh thái
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
QSDĐ	Quyền sử dụng đất
SĐVN	Sách đỏ Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNMT	Tài nguyên môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI TỰA

Dự án Tăng cường Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Sau đây gọi là “Dự án”) được thực hiện nhằm nâng cao năng lực của chính quyền trung ương, cấp tỉnh và chủ rừng để thúc đẩy Quản lý rừng bền vững (QLRBV) trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Dự án bao gồm 2 hợp phần, trong đó Hợp phần 1 hỗ trợ về lâm nghiệp và chính sách bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), còn Hợp phần 2 bao gồm các hoạt động liên quan đến QLRBV.

Dự án chọn các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang làm địa điểm dự án để thực hiện Hợp phần 2. Việc hỗ trợ 4 tỉnh mục tiêu về xây dựng và thực hiện Phương án QLRBV là một trong những nội dung chính của Dự án, trong đó hoạt động tổ chức hội thảo tập huấn được thiết kế để nâng cao năng lực của chủ rừng và các bên liên quan về xây dựng Phương án QLRBV. Để thực hiện nội dung này, Dự án tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn xây dựng Phương án QLRBV cho hai nhóm đối tượng là 1. Tổ chức và 2. Cộng đồng, nhóm hộ gia đình. Tài liệu hướng dẫn được biên soạn dựa trên nội dung của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT (sau đây gọi là *Thông tư 28*).

Tài liệu hướng dẫn xây dựng phương án QLRBV dành chủ rừng là tổ chức được bố cục theo 3 chương:

- **CHƯƠNG I: HƯỚNG DẪN CHUNG.** Chương này cung cấp cho người đọc thông tin chung về QLRBV và chứng chỉ rừng, thông tin khái quát về quá trình xây dựng phương án QLRBV.

- **CHƯƠNG II: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN QLRBV CHO CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC.** Chương này tập trung hướng dẫn xây dựng từng nội dung của phương án theo hướng dẫn tại Phụ lục II của Thông tư 28.

- **CHƯƠNG III: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ.** Chương này làm rõ những điểm quan trọng liên quan tới quá trình xây dựng các loại bản đồ kèm theo Phương án QLRBV theo quy định của Thông tư 28.

CHƯƠNG I: HƯỚNG DẪN CHUNG

1. TỔNG QUAN VỀ QLRBV VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG

1.1. QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

- Quản lý rừng bền vững là gì?

Theo Tổ chức Gỗ Nhiệt Đới (ITTO): QLRBV là quá trình quản lý những lâm phần ổn định nhằm đạt được một hoặc nhiều hơn những mục tiêu quản lý đã được đề ra một cách rõ ràng như đảm bảo sản xuất liên tục những sản phẩm và dịch vụ rừng mong muốn mà không làm giảm đáng kể những giá trị di truyền và năng suất tương lai của rừng và không gây ra những tác động không mong muốn đối với môi trường tự nhiên và xã hội.

Theo Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: QLRBV là phương thức quản trị rừng bảo đảm đạt được các mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh.

- Tại sao phải QLRBV?

Đặc điểm và yêu cầu của chủ rừng	Yêu cầu thị trường
- Nghề rừng nhiều khó khăn: + Chu kỳ kinh doanh dài + Vùng nghèo khó + Trình độ dân trí thấp + Quan hệ với cộng đồng địa phương + Đất và tài nguyên rừng rất dễ bị suy thoái - Mong muốn quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng lâu dài, ổn định và tăng thu nhập từ rừng	- Chính phủ yêu cầu QLRBV: có văn bản pháp luật và yêu cầu kỹ thuật - Kinh doanh rừng theo hướng đa mục tiêu (kinh tế, xã hội, môi trường) - Thị trường yêu cầu chuẩn hóa theo tiêu chuẩn hướng tới mục tiêu: minh bạch, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội (Ví dụ: các nước tiêu thụ sản phẩm gỗ chính của Việt Nam như Mỹ, Châu Âu cấm nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ không có chứng chỉ) - Tiếp cận thị trường và giá bán gỗ

1.2. CHỨNG CHỈ RỪNG

- Chứng chỉ QLRBV là gì?

Theo Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: Chứng chỉ QLRBV là văn bản công nhận một diện tích rừng nhất định đáp ứng các tiêu chí về QLRBV.

- Tại sao lại cần chứng chỉ rừng?

Ngày nay toàn thế giới ngày càng quan tâm đến tình trạng **diện tích và chất lượng rừng ngày một suy giảm**, ảnh hưởng lớn đến môi trường sống và khả năng cung cấp sản phẩm rừng cho phát triển bền vững cũng như nhu cầu hàng ngày của người dân.

Vấn đề cần được giải quyết là làm thế nào quản lý kinh doanh rừng phải vừa đảm bảo tốt **lợi ích kinh tế**, vừa đem lại lợi ích thiết thực cho **các cộng đồng dân cư sống** trong và gần rừng, vừa **không gây tác động xấu đến môi trường sống**, tức là thực hiện được **QLRBV và nó được công nhận bằng chứng chỉ quản lý rừng**.

- Có những loại chứng chỉ rừng nào?

Có hai loại chứng chỉ rừng cho các khu rừng đạt tiêu chuẩn QLRBV và các sản phẩm lâm nghiệp được chế biến, hình thành từ nguồn nguyên liệu gỗ có chứng chỉ?

Chứng chỉ quản lý rừng (Chứng chỉ FM)	Chứng chỉ Chuỗi hành trình sản phẩm (Chứng chỉ CoC)
Là chứng nhận cấp cho một hoặc các khu rừng xác định đã tuân thủ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu liên quan đến các tiêu chuẩn QLRBV về môi trường, kinh tế và xã hội từ lúc trồng, quản lý đến khai thác.	Là giấy chứng nhận cấp cho các tổ chức đã chứng minh được các sản phẩm chế biến từ gỗ được giao dịch từ các nguồn đã được cấp chứng chỉ, các sản phẩm này có thể sử dụng nhãn và dấu chứng nhận của tổ chức Chứng nhận

2. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

2.1. MỤC TIÊU CỦA XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

Xây dựng phương án QLRBV đặc biệt quan trọng trong lâm nghiệp, bất kể cho rừng tự nhiên hay rừng trồng, vì chu kỳ kinh doanh rất dài.

Xây dựng phương án QLRBV là việc tổ chức, bố trí không gian và thời gian cho các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển và sử dụng rừng của chủ rừng nhằm đảm bảo tính bền vững.

Phương án QLRBV là một trong những điều kiện bắt buộc để được cấp chứng chỉ rừng.

2.2. TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án QLRBV

2.3. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QLRBV

Thời gian thực hiện phương án QLRBV tối đa là 10 năm kể từ ngày phương án được phê duyệt.

Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp có ảnh hưởng đến mục đích sử dụng của khu rừng hoặc khi chủ rừng có nhu cầu thay đổi kế hoạch quản lý, sản xuất, kinh doanh chủ rừng phải điều chỉnh phương án QLRBV, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với những nội dung điều chỉnh.

2.4. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV

Chủ rừng là tổ chức quản lý rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan phê duyệt là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chủ rừng là tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất bằng vốn tự đầu tư; chủ rừng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất tự phê duyệt và thực hiện phương án QLRBV.

Chủ rừng là tổ chức không thuộc các đối tượng trên, cơ quan phê duyệt Phương án QLRBV là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.5. TÀI LIỆU PHỤC VỤ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QL RBV

Hồ sơ, tài liệu, bản đồ phục vụ xây dựng phương án QL RBV phải có nguồn gốc hợp pháp và còn hiệu lực áp dụng.

Hồ sơ, tài liệu, bản đồ được thu thập, điều tra trực tiếp hoặc kế thừa từ hồ sơ, tài liệu, bản đồ sẵn có đến thời điểm lập phương án QL RBV, trường hợp có thay đổi phải điều tra, thống kê, cập nhật bổ sung.

Bảng 01: Danh sách một số tài liệu, bản đồ cần thu thập

Stt	Tên tài liệu, bản đồ	Nguồn cung cấp	Ghi chú
1	Thông tin quyền sử dụng rừng	Hộ gia đình	Giấy chứng nhận QSDĐ hoặc giấy tờ hợp pháp khác
2	Bản đồ hiện trạng rừng	Chi cục Kiểm lâm/Điều tra bổ sung	Mới nhất
3	Bản đồ quy hoạch ba loại rừng năm	Chi cục Kiểm lâm	Mới nhất còn hiệu lực
4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Sở TNMT	Mới nhất
5	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	Sở TNMT	Mới nhất
6	Thông tin chung về kinh tế xã hội của xã/huyện thuộc vùng đệm, lâm phần của chủ rừng	UBND xã/ huyện thuộc vùng đệm, lâm phần của chủ rừng	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội hằng năm/Niên giám thống kê
7	Thông tin, số liệu về tài nguyên động, thực vật rừng	Chi cục Kiểm lâm /Điều tra bổ sung	Cập nhật từ các chương trình, dự án
8	Thông tin, số liệu về khu vực có giá trị bảo tồn cao (HCV)	Chi cục Kiểm lâm/ /Điều tra bổ sung	Cập nhật từ các chương trình, dự án
9	Hồ sơ quản lý rừng của chủ rừng	Chi cục Kiểm lâm	
10	Các tài liệu khác...	Thu thập, điều tra bổ sung	

Các loại bản đồ, tỷ lệ bản đồ của phương án QL RBV:

- Các loại bản đồ gồm: bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường¹;

- Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng theo Bảng 02 dưới đây.

¹ Hướng dẫn xây dựng bản đồ xem ở Chương III của tài liệu này